

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Các hội thẩm nhân dân

- Ông Lê Anh Tuấn
- Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lương Quỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hà M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số D phố L, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, nơi ở hiện tại: Phân trại 7 – K2 – Z30D Trại giam T1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đỗ Lý Trà M1, Luật sư Công ty L, địa chỉ trụ sở: Tầng B, số C Khu C, ngõ B đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Hà M và bị đơn là anh Nguyễn Xuân T thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hà M và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng theo Giấy đăng ký kết hôn số 37 ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, không ai còn quan tâm và không có trách nhiệm với ai nữa. Hiện anh Nguyễn Xuân T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T1. Nên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể đoàn tụ được nên chị Nguyễn Hà M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Anh Nguyễn Xuân T cũng nhất trí đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Hà M.

Về con chung: Chị Nguyễn Hà M và anh Nguyễn Xuân T có một con chung là Nguyễn Diệu M2, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2020. Ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý để con chung cho chị M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bản tự khai, đơn trình bày của anh Nguyễn Xuân T đều có xác nhận của Trại giam T1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hà M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Diệu M2, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2020 cho chị Nguyễn Hà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Hà M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung; bị đơn có nơi thường trú tại **phường B, quận K, thành phố Hải Phòng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định: Chị **Nguyễn Hà M** và anh **Nguyễn Xuân T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại **Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng**. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của chị **Nguyễn Hà M** và anh **Nguyễn Xuân T** là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân từ bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị **M** và anh **T** đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021, không ai còn quan tâm và không có trách nhiệm với ai, hiện anh **T** đang chấp hành án tại **Trại giam T1**. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị **M** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị **M** và anh **T** đều đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị **Nguyễn Hà M** được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân T**.

[4] Về con chung: Chị **Nguyễn Hà M** và anh **Nguyễn Xuân T** có một con chung là **Nguyễn Diệu M2**, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2020. Chị **M** và anh **T** đều có quan điểm ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị **Nguyễn Hà M** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét quan điểm về việc nuôi con của chị **M** và anh **T** đều thống nhất và là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng, hoàn cảnh của đôi bên, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao con chung cho

chị Nguyễn Hà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hà M và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hà M và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Hà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hà M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Diệu M2, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2020 cho chị Nguyễn Hà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Chị Nguyễn Hà M và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Hà M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004826 ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Hà M đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền (GCN kết hôn số 37/2019, ngày 12/11/2019);
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lã Anh Tuấn

Hoàng Thị Chính

Phạm Thị Ngọc Nga

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An,
T.P Hải Phòng;
- UBND phường Lương Khánh Thiện,
quận Ngô Quyền (GCN kết hôn số
37/2019, ngày 12/11/2019);
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Nga